

Trường:..... Họ và tên giáo viên:.....

Tổ:.....

TÊN BÀI DẠY:

BÀI 5 – NHỮNG TÌNH HUỐNG KHÔI HÀI

Môn học: Ngữ Văn/Lớp: 8

Thời gian thực hiện: tiết

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- ❖ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.
- ❖ Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.
- ❖ Hiểu mỗi người đọc có thể có cách tiếp nhận riêng đối với một văn bản văn học, biết tôn trọng và học hỏi cách tiếp nhận của người khác
- ❖ Nhận biết được đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ.
- ❖ Viết được văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống.
- ❖ Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội; nêu rõ ý kiến và các luận điểm; sử dụng lí lẽ và bằng chứng thuyết phục

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Ý thức được sự bình đẳng, dân chủ, có thái độ phê phán cái xấu, trân trọng tiếng cười trong cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm bài viết, bài trình bày của HS.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi phát vấn: *Tiếng cười trong hài kịch có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống con người?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS chia sẻ cảm nghĩ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời trước lớp, HS khác lắng nghe

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, khen ngợi những chia sẻ hay và thú vị của HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV tổng kết lại ý kiến và gợi dẫn vào chủ đề bài học

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học

- a. **Mục tiêu:** Nắm được nội dung chủ đề Những tình huống khôi hài
- b. **Nội dung:** GV gợi dẫn HS thông qua gợi ý SGK
- c. **Sản phẩm học tập:** HS chia sẻ được suy nghĩ, trải nghiệm bản thân về việc học.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc phần <i>Giới thiệu bài học</i> trong SGK (trang 96) và dẫn HS vào chủ điểm của bài học. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc phần giới thiệu bài học <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời một vài HS chia sẻ, trả lời các câu hỏi gợi mở của GV trước lớp, yêu cầu HS cả lớp lắng nghe và nhận xét. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương tinh thần tham gia thảo luận của cả lớp. - GV chốt kiến thức về chủ đề bài học □ Ghi lên bảng. 	<p>I. Giới thiệu bài học.</p> <p>- Chủ đề 5: Trong tác phẩm văn học, cuộc sống luôn hiện lên một cách đa dạng, sinh động với nhiều cung bậc, góp phần thoả mãn nhu cầu tinh thần, đời sống tình cảm muôn màu muôn vẻ của con người. Khúc tráng ca hào sảng về chiến công vang dội của người anh hùng; khúc bi ca ai oán, xót thương trước những thân phận thua thiệt, bé mọn; tràng cười sâu cay, chua chát khi cuộc sống hiện ra như những tấn trò đời;... tất cả đều cần thiết cho đời sống con người và không có cung bậc nào có thể thay thế cho cung bậc nào.</p> <p>Qua một số văn bản hài kịch như Ông Giuốc-đanh (Jourdain) mặc lễ phục, Cái chúc thư, "Thuyền</p>

	trường tàu viễn dương” trong bài học này, các em sẽ được học cách đọc hiểu văn bản hài kịch; từ đó, hiểu thêm về đặc điểm, giá trị của tiếng cười trong thể loại văn học này.
--	---

Hoạt động 2: Tìm hiểu tri thức ngữ văn

a. Mục tiêu:

- Xác định được khái niệm và đặc điểm, một số yếu tố trong hài kịch
- Nhận biết được căn cứ để xác định chủ đề
- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến phần *Tri thức Ngữ Văn*.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức chung về nội dung phần *Tri thức Ngữ Văn*.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về thể loại hài kịch</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi nhằm kích hoạt kiến thức nền về hài kịch</p> <p>+ <i>Hài kịch là gì?</i></p> <p>+ <i>Nhân vật trong hài kịch thường là đối tượng nào?</i></p>	<p>II. Tri thức Ngữ văn</p> <p>1/ Hài kịch</p> <p><i>Hài kịch</i> là một thể loại kịch dùng biện pháp gây cười để chế giễu các tính cách và hành động xấu xa, lỗ bịch, lỗ thời của con người. Lão hà tiện Tác tuyp (Tartuffe) Trương giả học làm sang của Mô-li-e (Molière)... là những kiệt tác về hài kịch. Hài kịch mang đầy đủ các đặc điểm chung của kịch, đồng thời thể hiện</p>

<p>+ <i>Hành động trong hài kịch có đặc điểm gì?</i></p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc nhóm đôi để hoàn thành bài tập gợi dẫn. - HS nghe câu hỏi, đọc phần <i>Tri thức ngữ văn</i> và hoàn thành trả lời câu hỏi chất lọc ý. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung và mối liên hệ giữa các yếu tố này. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức <input type="checkbox"/> Ghi lên bảng. <p><u>Nhiệm vụ 2:</u> Tìm hiểu đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS tiếp tục đọc thông tin trong mục <i>Tri thức Ngữ Văn</i> trong SGK (trang 97) 	<p>đặc điểm riêng qua các yếu tố như: nhân vật, hành động, xung đột, lời thoại, thủ pháp trào phúng....</p> <p><i>Nhân vật của hài kịch</i> là đối tượng của tiếng cười, gồm những hạng người hiện thân cho các thói tật xấu hay những gì thấp kém trong xã hội. Tính cách của nhân vật hài kịch được thể hiện qua những biến cố dẫn đến sự phơi bày, phê phán cái xấu. Hành động trong hài kịch là toàn bộ hoạt động của các nhân vật (bao gồm lời thoại, điệu bộ, cử chỉ...) tạo nên nội dung của tác phẩm hài kịch. Hành động thể hiện qua lời thoại dưới các dạng: tấn công – phân công; thăm dò – lảng tránh; chất vấn – chối cãi; thuyết phục – phủ nhận/ bác bỏ, cầu xin – từ chối,... Mọi hành động lớn nhỏ trong kịch nói chung, hài kịch nói riêng đều dẫn tới xung đột và giải quyết xung đột; qua đó, thể hiện chủ đề của tác phẩm.</p> <p><i>Xung đột kịch</i> thường nảy sinh dựa trên sự đối lập, mâu thuẫn tạo nên tác động qua lại giữa các nhân vật hay các thể lực. Có nhiều kiểu xung đột, xung đột giữa cái cao cả với cái cao cả, giữa cái cao cả với cái thấp kém, giữa cái thấp kém với cái</p>
--	---

<p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS ghi chép tóm lược nội dung kiến thức</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức</p> <p><input type="checkbox"/> Ghi lên bảng.</p>	<p>thấp kém,... Trong hài kịch, do đặc điểm, tính chất của các nhân vật xung đột thường diễn ra giữa cái thấp kém với cái thấp kém. Ví dụ: xung đột giữa những kẻ có mưu đồ đen tối với nhau hay xung đột giữa thói keo kiệt, bủn xỉn của một kẻ cho vay nặng lãi với nhu cầu tiêu pha lãng phí của những đứa con hư...</p> <p>Lời thoại là lời của các nhân vật hài kịch nói với nhau (đối thoại) nói với bản thân (độc thoại) hay nói với khán giả (bằng thoại) góp phần thúc đẩy xung đột hài kịch phát triển.</p> <p>Lời chỉ dẫn sân khấu là những lời chú thích ngắn gọn của tác giả biên kịch (thường để trong ngoặc đơn) nhằm hướng dẫn, gợi ý về cách bài trí, xử lí âm thanh, ánh sáng, việc vào – ra sân khấu của diễn viên thủ vai nhân vật cùng trang phục, hành động, cử chỉ, cách nói năng của họ, ...</p> <p>2/ Căn cứ để xác định chủ đề</p> <p>Chủ đề là vấn đề chính mà tác phẩm muốn nêu lên qua một hiện tượng đời sống. Để xác định chủ đề của tác phẩm văn học cần dựa trên nhiều yếu tố như nhan đề, hệ thống các chi tiết và mối quan</p>
---	--

hệ giữa chúng trong tác phẩm; giọng điệu, ngôn từ, thái độ, tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình (trong tác phẩm thơ); cách xây dựng nhân vật, cốt truyện, sử dụng tình huống, hành động, xung đột,... (trong tác phẩm truyện và tác phẩm kịch)

3. Đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ

- Trợ từ là những từ chuyên dùng để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá của người nói với người nghe hoặc với sự việc được nói đến trong câu

Ví dụ: những, có, chính, mỗi, đích, ngay, nhỉ, nhé, nha, nghen,...

Trợ từ không có vị trí cố định trong câu, có thể chia thành 2 loại trợ từ:

+ Trợ từ nhấn mạnh (những, có, chính, mỗi, ngay) thường đứng trước các từ ngữ cần được nhấn mạnh.

+ Trợ từ tình thái (tiểu từ tính thái) (à, ă, nhỉ, nhé, nha, nghen, đấy, này,...) thường đứng ở đầu câu hoặc cuối cuối, có tác dụng tạo kiểu câu nghi vấn, câu khiến, câu cảm thán hoặc thể hiện thái độ đánh giá, tình cảm của người nói

- Thán từ là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để

	<p>gọi đáp. Có thể chia thành hai loại thán từ:</p> <p>+ Thán từ bộc lộ cảm xúc (a, á, ô, ối, chà,...) dùng để bộc lộ các trạng thái tình cảm, cảm xúc (vui mừng, ngạc nhiên, đau đớn, sợ hãi,...)</p> <p>+ Thán từ gọi đáp (oi, dạ, vâng, ừ....)</p> <p>Thán từ thường đứng đầu câu và có khả năng tách ra tạo thành một câu đặc biệt. Khi sử dụng thán từ, người nói thường dùng theo ngữ điệu, cử chỉ, nét mặt tương ứng với tình cảm, cảm xúc mà thán từ biểu thị,...</p>
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố và vận dụng những kiến thức về bài *Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn* để giải quyết bài tập.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập vẽ sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức.

c. Sản phẩm học tập: Sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập: *Sau khi học xong bài Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn, em tiếp thu được những tri thức gì? Hãy hệ thống hóa lại kiến thức đó bằng sơ đồ tư duy.*

- GV hướng dẫn HS hoàn thành sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức bài học.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV gọi một vài HS trình bày sơ đồ đã hoàn thành trước lớp, các HS khác quan sát, lắng nghe và bình chọn ra sản phẩm đẹp, đủ và đúng nhất.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá thái độ học tập của cả lớp và tổng kết lại bài học.

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại bài *Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn*.

+ Soạn bài: **Ông Giuóc – danh mặc lễ phục**

TIẾT...: VĂN BẢN 1: ÔNG GIUỐC - DANH MẶC LỄ PHỤC

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- ❖ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.
- ❖ Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản Ông Giuóc – danh mặc lễ phục
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

3. Phẩm chất:

- Ý thức được sự bình đẳng, dân chủ, có thái độ phê phán cái xấu, trân trọng tiếng cười trong cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

b. Nội dung: GV tổ chức hoạt động trò chơi “BINGO Ô CHỮ”

c. Sản phẩm: Đáp án của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức trò chơi “BINGO Ô CHỮ”
- GV sẽ đưa ra các câu hỏi, HS tìm đáp án trong phiếu BINGO
- HS nào tìm được 5 ô chữ theo hàng dọc, ngang, chéo trong thời gian sớm nhất sẽ giành chiến thắng

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm *Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục*

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS: đọc và tìm kiếm những thông tin về tác giả, tác phẩm - GV hướng dẫn cách đọc. GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB. - HS lắng nghe. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận 	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả : Moliere (1622-1673) là nhà soạn kịch lớn của pháp, đồng thời là diễn viên thường đóng các vai chính trong một số vở kịch của chính mình.</p> <p>2. Tác phẩm :</p> <p>Trích trong vở kịch năm hồi: “Trưởng giả học làm sang”(1670)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn trích là lớp kịch kết thúc hồi II. - Vở kịch nói về Ông giuốc đanh một nhà buôn giàu có nhưng dốt nát quê kệch học đòi làm sang → nhiều kẻ lợi dụng, nịnh hót để moi tiền. - Thể loại: Hài kịch - Bố cục: - Gồm 2 cảnh :

<p>- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.</p>	<p>+) Cảnh 1: Từ đầu → cho các nhà quý phái, gồm 4 nhân vật Giuốc-đanh, gia nhân, phó may, thợ phụ, cảnh này chỉ có lời thoại của 2 nhân vật Giuốc-đanh và tay thợ phụ → nói chuyện trang phục nhất là chiếc áo.</p> <p>+) Cảnh 2: Phần còn lại, tăng thêm 4 nhân vật (thợ phụ) và cộng thêm rất nhiều động tác : bốn tay thợ phụ cởi quần cộc áo ngắn của ông Giuốc-đanh rồi mặc lại cho ông bộ lễ phục theo nhịp điệu của dàn nhạc , ông Giuốc-đanh đi đi lại lại phô áo mới, chân bước , miệng nói theo điệu nhạc => Giuốc đanh mặc lễ phục.</p>
---	---

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- ❖ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.
- ❖ Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1 :Thảo luận nhóm đôi</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: + <i>Liệt kê các nhân vật xuất hiện trong vở kịch. Ghi lại 3 từ khóa liên quan đến tính cách của nhân vật</i> + <i>Theo em vì sao hành động của các nhân vật và cách giải quyết xung đột trong hài kịch trên lại làm bật lên tiếng cười?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - HS trình bày sản phẩm. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng <p>Nhiệm vụ 2 : Hoạt động cá nhân</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p>	<p>a. Cảnh 1: ông Giuốc- đanh và phó may.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại phòng khách nhà ông Giuốc-đanh bác phó may mang bộ lễ phục đến - Có 4 nhân vật : ông Giuốc đanh , bác phó may , tay thợ phụ,gia nhân của giuốc đanh. - Đối thoại chính: ông Giuốc- đanh và phó may. - Chuyện xoay bộ trang phục mới của ông Giuốc - đanh (bộ lễ phục, đôi bít tất, giày, bộ tóc giả và lông đính mũ...)Chủ yếu là bộ lễ phục. - Chiếc áo ngược hoa. Có thể do sơ xuất cũng có thể là cố tình mà phó may đã may chiếc áo hoa ngược khiến Giuốc - đanh thành trò cười. - Ông Giuốc-đanh chưa phải mất hết tinh tảo, vẫn nhận ra chiếc áo ngược hoa. - Phó may vụng chèo khéo chống bịa ra lí lẽ thuyết phục khiến ông Giuốc-đanh hài lòng. - Giuốc đanh phát hiện phó may ăn bớt vải. Phó may lảng sang chuyện khác→ nhắc Giuốc đanh mặc thử áo, đánh vào tâm lí. <p>=> Đoạn kịch có kịch tính cao Phó may đang ở thế bị động sang chủ động, tiếp đến ông Giuốc đanh phát</p>

<p>- GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:</p> <p>Cho biết:</p> <p>a, Những cụm từ in nghiêng đặt trong ngoặc đơn như: " Ông Giuốc-đanh (nhìn áo của bác phó may)...", " Ông Giuốc-đanh (nói riêng) ..." là lời của ai và có vai trò như thế nào trong văn bản kịch?</p> <p>b, Nếu thiếu đi các đoạn văn in nghiêng ở giữa và cuối văn bản thì việc phát triển xung đột kịch, thể hiện tính cách nhân vật ông Giuốc-đanh và tạo tiếng cười trong màn kịch sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi</p> <p>- HS trình bày sản phẩm.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày sản phẩm thảo luận</p> <p>- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng</p>	<p>hiện ra phó may ăn bột vải chuyển sang chủ động</p> <p>→ phó may chóng trả yếu ớt. Nhưng ông ta đã đảo ngược tình huống bằng một nước cờ cao tay đánh vào tâm lý tưởng giả học làm sang của ông Giuốc- đanh.</p> <p>.</p> <p>* Ông Giuốc đanh dốt nát dễ bị mắc lừa mà vẫn tưởng mình “sang”.</p> <p>b. Cảnh 2: Ông Giuốc-đanh và tốp thợ phụ.</p> <p>- Tác giả chuyển cảnh hết sức tự nhiên và khéo léo bằng việc ông Giuốc - đanh mặc lễ phục xong là được tốp thợ phụ tôn xưng → khiến ông ta tưởng mặc lễ phục vào là thành quý phái.</p> <p>- Chúng nắm được điểm yếu để nịnh hót, tâng bốc → moi tiền.</p> <p>- Phép tâng tiến trong lời tâng bốc</p> <p>→ Sự học đòi làm sang càng ngày càng mãnh liệt (sẵn sàng cho hết tiền để được sang hão)</p> <p>=> Ông Giuốc- đanh, thích học đòi, mua danh hão mâu thuẫn với sự dốt nát, bị người khác lợi dụng, kiếm chác => Cười h/ả Giuốc đanh mặc lễ phục thật hài trên sân khấu.</p> <p>c. Nhân vật hài kịch bất hủ:</p> <p>- Khán giả cười sự ngu dốt khiến phó may lợi dụng kiếm chác(tất chặt, giày chặt, ăn bột vải ...)</p>
--	---

	<p>- Cười ông ngớ ngẩn mặc áo ngược hoa mà tưởng mình sang trong quý phái, cười ông ta bỏ tiền để mua danh hão.</p> <p>- Nhất là cảnh 4 tay thợ phụ lột quần áo ông Giuốc- đánh mặc cho ông ta bộ lễ phục ngược hoa lố lăng, sặc sỡ mà ông ta vẫn vênh váo tưởng mình quý phái làm cho khán giả cười vỡ ọp.</p> <p>III. TỔNG KẾT</p> <p>a. Nghệ thuật:</p> <p>- Khắc họa tài tình tính cách lố lăng của nhân vật thông qua lời nói, hành động</p> <p>- Vở kịch ngắn nhưng mâu thuẫn kịch sinh động, hấp dẫn và gây cười</p> <p>b. Nội dung</p> <p>Phê phán thói học đòi cao sang của tầng lớp trưởng giả</p>
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản Ông Giuốc đánh mặc lễ phục

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: TRÒ CHƠI “THỦ TÀI THÔNG THÁI” qua các câu hỏi trắc nghiệm

c. Sản phẩm học tập: HS trình bày suy nghĩ

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Câu 1: Lốp kịch Ông Giuốc-đánh mặc lễ phục nằm ở vị trí nào trong vở kịch Trưởng giả học làm sang ?

- A. Kết thúc hồi II của vở kịch C. Kết thúc cả vở kịch
B. Mở đầu hồi II của vở kịch D. Kết thúc hồi III của vở kịch

Chọn đáp án: A

Câu 2: Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục gồm mấy cảnh ?

- A. Bốn cảnh C. Hai cảnh
B. Ba cảnh D. Một cảnh

Chọn đáp án: C

Câu 3: Hoàn cảnh xuất thân của nhân vật Giuốc-đanh trong đoạn trích là gì?

- A. Trong một gia đình trí thức, bản thân ông được học hành tử tế.
B. Trong một gia đình quý tộc sang trọng.
C. Trong một gia đình thương nhân giàu có.
D. Trong một gia đình thuộc dòng họ vua chúa.

Chọn đáp án: C

Câu 4: Đặc điểm nổi bật của “bộ lễ phục đẹp nhất triều đình” của ông Giuốc đanh là gì ?

- A. Màu đen C. Trang nhã, rẻ tiền
B. Hoa ngược D. Gồm ý A và B

Chọn đáp án: B

Câu 5: Thái độ của ông Giuốc -đanh khi nghe bác phó may giải thích những người quý phái đều mặc áo may hoa ngược như thế nào ?

- A. Chê chiếc áo may hoa ngược và yêu cầu bác phó may phải may lại.
B. Chấp nhận chiếc áo may hoa ngược và tỏ ý muốn mặc thử nó.
C. Tán thưởng vẻ sang trọng của chiếc áo may hoa ngược.
D. Thắc mắc vì sao những người quý phái lại mặc áo hoa ngược.

Chọn đáp án: C

Câu 6: Qua thái độ của ông Giuốc đanh đối với chiếc áo may hoa ngược, em thấy ông ta là người như thế nào ?

- A. Cầu kì trong vấn đề ăn mặc.
B. Dốt nát, kém hiểu biết.
C. Thích những cái lạ mắt.
D. HÀi hước và hóm hỉnh.

Chọn đáp án: B

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản liên hệ trải nghiệm của bản thân

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để Thực hiện yêu cầu trả lời câu hỏi: Một số bạn cho rằng nên dùng Trường giả học làm sang làm nham đề cho văn bản trên, một số khác lại cho rằng nham đề Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục mới sát hợp với nội dung của văn bản. Em đồng ý với ý kiến nào? Vì sao?

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Một số bạn cho rằng nên dùng Trường giả học làm sang làm nham đề cho văn bản trên, một số khác lại cho rằng nham đề Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục mới sát hợp với nội dung của văn bản. Em đồng ý với ý kiến nào? Vì sao?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện viết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được nội dung văn bản

+ Soạn bài tiếp theo

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

* Phụ lục:

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			

TIẾT...: VĂN BẢN 2. CÁI CHỨC THƯ

(Vũ Đình Long)

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- ❖ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.
- ❖ Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản Cái chức thư
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản

3. Phẩm chất:

- Ý thức được sự bình đẳng, dân chủ, có thái độ phê phán cái xấu, trân trọng tiếng cười trong cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài

b. Nội dung: Trò chơi “ VUA TIẾNG VIỆT”

c. Sản phẩm: Các từ khóa HS sắp xếp được

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức trò chơi “Vua Tiếng Việt” với yêu cầu HS sắp xếp thứ tự các chữ cái tạo thành từ có nghĩa.

a. i/k/c/h/a/n/m

b. u/t/i/n/ê/g/c/o/i

c. ư/c/h/c/u/h/t

d. n/a/h/đ/ê/n

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chơi trò chơi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về văn bản **Cái chúc thư**

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin văn bản

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS: + Ghi lại 3 thông tin về tác giả Vũ Đình Long + Xác định thể loại của văn bản - GV hướng dẫn cách đọc. GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB. - HS lắng nghe. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. 	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vũ Đình Long (1896 -1960), quê ở thôn Mục Xá, xã Cao Dương, Huyện Thanh Oai, Hà Đông (cũ) nay thuộc Hà Nội. - Ông sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống hiếu học, rất mê ca kịch dân tộc - Ông là tác giả của nhiều vở kịch hiện đại như: Chén thuốc độc (1921), Tòa án lương tâm (1923), Đàn bà mới (1944), Tổ quốc trên hết (1949, phóng tác), Gia tài (1958, phóng tác) <p>2. Tác phẩm</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Thể loại: Kịch b. Xuất xứ: <ul style="list-style-type: none"> - Tác phẩm trích Hồi IV (Lớp thứ III, IV, V , VI) của vở hài kịch Gia tài In trong Tuyển tập kịch Vũ Đình Long, NXB hội nhà văn, 2009

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- ❖ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.

- ❖ Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>* Nhiệm vụ 1:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ KHẨN TRẢI BÀN</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: + <i>Nêu một số biểu hiện cụ thể của hành động kịch trong văn bản</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>II. Tìm hiểu chi tiết</p> <p>1/ Hành động kịch trong văn bản</p> <p>a. Nhân vật Hy Lạc</p> <p>Hành động kịch qua lời đối thoại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết phục nhân vật Khiết đóng giả chữ ký thay của người cụ bị tê liệt tay. - Trấn an nhân vật Khiết. - Làm mọi chuyện chỉ vì tình yêu và để lấy được người yêu. - Vờ đau đớn khi người bác để lại gia tài cho mình. - Tức tối, chửi rủa khi biết mình nhận được tiền. <p>Hành động kịch qua lời độc thoại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chửi thề Khiết khi tự ý để tiền lại cho mình và không làm theo kế hoạch ban đầu <p>Hành động kịch qua cử chỉ, hành vi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tức giận - Vui mừng

<p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng</p> <p>* Nhiệm vụ 2</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV đặt câu hỏi:</p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận:</p> <p>+ <i>Ghi lại 3 từ khóa tương ứng với tính cách mỗi nhân vật trong vở kịch</i></p> <p>+ <i>Nhận xét đặc điểm giống nhau và khác nhau giữa ba nhân vật này?</i></p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi</p> <p>- HS trình bày sản phẩm.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày sản phẩm thảo luận</p> <p>- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng</p> <p>GV chốt lại kiến thức</p>	<p>- Vờ khóc, vờ đau đớn</p> <p>- Chửi thề</p> <p>b. Nhân vật Khiết</p> <p>Hành động kịch qua lời đối thoại</p> <p>- Lúc đầu sợ sệt, nhưng khi nghe Hy Lạc cổ vũ thì vẫn làm liều.</p> <p>- Ngồi cạnh Hy Lạc để tránh bị mọi người phát hiện.</p> <p>- Không muốn làm đám tang của mình quá to.</p> <p>- Không làm như đã thỏa thuận ban đầu với Hy Lạc, để lại toàn bộ gia sản cho bản thân mình.</p> <p>Hành động kịch qua cử chỉ, hành vi</p> <p>- Vui mừng</p> <p>c. Nhân vật Lý</p> <p>Hành động kịch qua lời đối thoại</p> <p>- Giúp khiết đóng giả bác</p> <p>- Muốn ở bên cạnh Khiết để xem xét</p> <p>- Giả vờ cảm ơn khi Khiết bảo sẽ để lại cho gia tài</p> <p>- Vui mừng khi được để cho hai trăm ngàn đồng</p> <p>Hành động kịch qua lời độc thoại</p> <p>- Sợ Khiết quên mình</p> <p>- Mừng khi việc làm giả hoàn thành</p> <p>Hành động kịch qua cử chỉ, hành vi</p> <p>- Bất ngờ</p> <p>- Vui mừng</p>
--	---

2. Tính cách nhân vật

Điểm giống là **cả ba đều ham tiền tài, tham của, và sẵn sàng làm mọi chuyện để đạt lợi ích cho mình.** Đặc biệt, qua cách thể hiện ta còn thấy ba người đều là **những kẻ giả dối, là đại diện cho cả một xã hội loạn lạc và suy đồi đạo đức.**

Tuy nhiên, điểm khác biệt giữa họ như sau:

- *Hy Lạc*: Mưu mô, tính toán nhưng vẫn bị Khiết trục lợi mà không thể làm gì.

- *Khiết*: Ban đầu thì lo sợ bị phát hiện, nhưng vì tiền nên dám liều, lợi dụng sơ hở để trục lợi cho mình.

- *Lý*: Là một kẻ ba phải, khi thấy mình được lợi thì vui mừng dù không can thiệp vào tranh chấp của hai nhân vật trên. Chỉ ta còn là kẻ ngu muội, bị tiền tài làm mờ mắt và có thể mua chuộc bằng 200 ngàn đồng.

3. Thủ pháp trào phúng

Thủ pháp trào phúng được tác giả thể hiện qua rất nhiều chi tiết, từ hành động đến lời nói của các nhân vật.

- Khiết rất sợ, nhưng khi thấy tiền liền nổi lòng tham, đồng ý vào vai nhân vật và biết cách lợi dụng sơ hở để trục lợi cho bản thân.

	<p>- Hy Lạc rất vui vì Khiết đã nhận lời diễn kịch, nhưng khi thấy lợi không về mình thì liền tức tối và thậm chí chửi rủa Khiết.</p> <p>- Lý là một kẻ ba phải, bất ngờ vì hành vi lật lọng của Khiết nhưng vì mình cũng được chia lợi liền vui mừng.</p> <p>- Những lời nói của nhân vật thể hiện rõ tính cách của các nhân vật, lại càng làm tăng thêm bộ mặt giả nhân giả nghĩa. Các hành động giả vờ cũng được thể hiện một cách rất mỉa mai, làm nổi bật được sự tương phản sâu sắc.</p> <p>III/ TỔNG KẾT</p> <p>1/Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng tình huống truyện đặc sắc - Sử dụng thành công thủ pháp trào phúng - Xây dựng tính cách nhân vật chân thực <p>2/ Nội dung</p> <p>Qua văn bản trên, tác giả muốn gửi đến người đọc người xem thông điệp là sự phê phán, lên án mãnh liệt với các hành vi giả dối để chuộc lợi cho bản thân</p>
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản Cái chước thư

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Cho biết ý kiến của em về một trong hai nhận định dưới đây:

- a. Nhân vật cụ Di Lung tuy không xuất hiện nhưng thực ra vẫn luôn luôn có mặt trong các Lối kịch III, IV, V, VI.
- b. “Cái chúc thư” cũng là một nhân vật văn học có nhiều ý nghĩa.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản liên hệ với trải nghiệm của bản thân

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học đóng vai các nhân vật trong vở kịch, trình diễn trước lớp

c. Sản phẩm học tập: Phần trình bày của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Các tổ phân vai diễn lại vở kịch

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện đóng kịch

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV nhận xét

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được nội dung của văn bản

+ Soạn bài tiếp theo

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

* Phụ lục:

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo

			Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

*** Phiếu học tập**

TIẾT...: ĐỌC KẾT NÓI CHỦ ĐIỂM: LOẠI VI TRÙNG QUÝ HIỂM

(A-zit Nê - xin)

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS nhận biết được thể loại và đề tài của văn bản
- HS phân tích được tính cách nhân vật ông giáo sư và các cộng sự
- HS chỉ ra và phân tích được yếu tố gây cười trong văn bản
- HS nhận xét được cách đặt nhan đề của văn bản

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

3. Phẩm chất:

- Yêu thiên nhiên

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài

b. Nội dung: TRÒ CHƠI “GIẢI MÃ Ô CHỮ”

c. Sản phẩm: Câu trả lời của Học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức trò chơi: GIẢI MÃ Ô CHỮ, luật chơi:
- + GV sẽ chiếu hình ảnh bị che một số phần, để lật mở những mảnh bị che tìm ra đáp án chìa khóa, HS phải trả lời đúng được các câu hỏi của GV đưa ra
- + Đáp án ô chữ: Giáo sư

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chơi trò chơi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV động viên tất cả HS trong lớp đều tham gia

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm *Loài vi trùng quý hiếm*

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm “*Loài vi trùng quý hiếm*”

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS: đọc và giới thiệu về tác giả A -zit Nê - xin - GV hướng dẫn cách đọc. GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB. - HS lắng nghe. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. 	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả</p> <p>Azit Nexin (Aziz Nesin), tên khai sinh Mehmet Nusret Nesin (20/12/1915 — 6/7/1995), là một nhà văn châm biếm nổi tiếng thế giới của Thổ Nhĩ Kỳ.</p> <p>2. Tác phẩm</p> <p>Theo Tuổi trẻ cười, số ra ngày 11/9/2019</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể loại: Hài kịch

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a.Mục tiêu:

- HS nhận biết được thể loại và đề tài của văn bản

- HS phân tích được tính cách nhân vật ông giáo sư và các cộng sự
- HS chỉ ra và phân tích được yếu tố gây cười trong văn bản
- HS nhận xét được cách đặt nhan đề của văn bản

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>* Nhiệm vụ 1: Thảo luận nhóm đôi</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: + <i>Nhân vật ông giáo sư và các cộng sự của ông ta hiện thân cho hạng người nào?</i> + <i>Người kể chuyện có thái độ với các nhân vật này như thế nào? Dựa vào đâu để khẳng định như vậy?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - HS trình bày sản phẩm. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. 	<p>II. Tìm hiểu chi tiết</p> <p>1. Tình huống truyện – yếu tố gây cười trong văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình huống của truyện: Một bệnh nhân đau mắt đến gặp giáo sư, ông giáo sư tự mãn vì tìm thấy con vi trùng quý hiếm trong mắt bệnh nhân. Sự ngược đời ở chỗ, các trợ giảng cảm thấy vui mừng, tự hào vì phát minh được cho là vĩ đại này mà quên mất không chữa trị mắt cho bệnh nhân, khiến bệnh nhân bị mù. => Đó chính là sự châm biếm của tác giả cho những con người tự mãn ở trong truyện. <p>2/ Nhân vật ông giáo sư và các cộng sự</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân vật ông giáo sư và các cộng sự của ông ta hiện thân cho hạng người tự cao, tự mãn, cho rằng mình xuất

<p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng <p>* Nhiệm vụ 2</p> <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đặt câu hỏi: - GV yêu cầu HS suy nghĩ và bày tỏ quan điểm cá nhân: <i>+Nhận xét về cách đặt nhan đề cho văn bản và cách sử dụng cụm từ “loại vi trùng quý hiếm” trong văn bản.</i> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - HS trình bày sản phẩm. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng <p>GV chốt lại kiến thức</p>	<p>chúng, giới giang, mừng rỡ khi phát hiện ra loại vi trùng quý hiếm mà không quan tâm đến sức khỏe, tính mạng của bệnh nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người kể chuyện có thái độ dè bủu với các nhân vật này. - Dựa vào lời văn trong văn bản và những cuộc hội thoại giữa các nhân vật. <p>3. Cách đặt nhan đề</p> <p>Cách đặt nhan đề cho văn bản và cách sử dụng cụm từ “Loại vi trùng quý hiếm” trong văn bản hoàn toàn nhằm mục đích châm biếm chứ không phải ca ngợi phát minh vĩ đại.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã là vi trùng gây đau mắt và có thể gây mất thị giác cho người bệnh thì nó là vi trùng có hại. <p>=> Điều này hoàn toàn là châm biếm vị giáo sư tỵ mẫn này.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc phát hiện ra con vi trùng khiến ông vui mừng đến nỗi không để tâm việc chữa trị cho bệnh nhân trong khi trọng trách lớn nhất của người bác sĩ là cứu người, những điều nên là thì bác sĩ lại quên. - Khi bệnh nhân đã bị mù thì ông ta lại tươi cười rạng rỡ khẳng định mình đã nói đúng về con vi trùng.
---	---

	<p>III/ TỔNG KẾT</p> <p>1/ Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng thành công thủ pháp trào phúng, tạo tiếng cười cho người đọc - Khắc họa rõ nét tính cách nhân vật qua lời thoại <p>2/ Nội dung</p> <p>Phê phán hạng người tự cao, tự mãn, cho rằng mình xuất chúng, giỏi giang</p>
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản Loài vi trùng quý hiếm

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Viết đoạn văn ngắn khoảng 7 -9 câu nhận xét về nhân vật ông giáo sư và các cộng sự trong văn bản trên

c. Sản phẩm học tập: đoạn văn của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Viết đoạn văn ngắn khoảng 7 -9 câu nhận xét về nhân vật ông giáo sư và các cộng sự trong văn bản trên

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản liên hệ với bản thân

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học, bày tỏ quan điểm cá nhân

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:**Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Câu hỏi: Bày tỏ quan điểm của em về ranh giới giữa “tự tin” và “tự cao”, làm thế nào để hạn chế được cái “tôi” quá cao?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được nội dung bài học

+ Soạn bài *tiếp theo*

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẢN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm

	Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

* Phiếu học tập

TIẾT: ...THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Trang 115 - 116

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS nhận biết và xác định được trợ từ, thán từ
- HS nêu được chức năng của trợ từ, thán từ

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

b. Nội dung: Trò chơi: “THỬ TÀI NHANH MẮT”

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- Luật chơi: GV sẽ phát cho HS phiếu tra từ. Khi nghe hiệu lệnh, GV sẽ đọc các từ, nhiệm vụ của HS là nhanh tay khoanh vào các từ giáo viên đọc.

Sau đó HS có nhiệm vụ ghép các từ thành câu có nghĩa. Bạn nào ghép thành câu đúng và nhanh nhất sẽ chiến thắng

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chơi trò chơi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- Phân trả lời của học sinh

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết và xác định được trợ từ, thán từ
- HS nêu được chức năng của trợ từ, thán từ

b. Nội dung:

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK phần Tri thức ngữ văn và hoàn thành phiếu học tập - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày vào phiếu học tập <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). 	<p>- Trợ từ là những từ chuyên dùng để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá của người nói với người nghe hoặc với sự việc được nói đến trong câu</p> <p>Ví dụ: những, có, chính, mỗi, đích, ngay, nhỉ, nhé, nha, nghen,...</p> <p>Trợ từ không có vị trí cố định trong câu, có thể chia thành 2 loại trợ từ:</p> <p>+ Trợ từ nhấn mạnh (những, có, chính, mỗi, ngay) thường đứng trước các từ ngữ cần được nhấn mạnh.</p> <p>+ Trợ từ tình thái (tiểu từ tính thái) (à, ờ, nhỉ, nhé, nha, nghen, đấy, này,...) thường đứng ở đầu câu hoặc cuối câu, có tác dụng tạo kiểu câu nghi</p>

<p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p>	<p>vấn , câu khiến, câu cảm thán hoặc thể hiện thái độ đánh giá, tình cảm của người nói</p> <p>- Thán từ là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp. Có thể chia thành hai loại thán từ:</p> <p>+ Thán từ bộc lộ cảm xúc (a, á, ô, ối, chà,...) dùng để bộc lộ các trạng thái tình cảm, cảm xúc (vui mừng, ngạc nhiên, đau đớn, sợ hãi,...)</p> <p>+ Thán từ gọi đáp (ơi, dạ, vâng, ừ...)</p> <p>Thán từ thường đứng đầu câu và có khả năng tách ra tạo thành một câu đặc biệt. Khi sử dụng thán từ, người nói thường dùng theo ngữ điệu, cử chỉ, nét mặt tương ứng với tình cảm, cảm xúc mà thán từ biểu thị,...</p>
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 115 - 116

c. Sản phẩm học tập: Phần trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bài tập SGK trang 115 - 116

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về trợ từ, thán từ

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học tạo lập đoạn văn sử dụng ít nhất 2 trợ từ và 2 thán từ

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Viết đoạn văn ngắn khoảng 7 – 9 câu (chủ đề tự do) trong đó có sử dụng ít nhất 2 trợ từ và 2 thán từ

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được các kiến thức tiếng việt

+ Soạn bài *tiếp theo*

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG	TỐT	XUẤT SẮC
----------	-------------	-----	----------

	(0 – 4 điểm)	(5 – 7 điểm)	(8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

* Đáp án bài tập

Câu 1

Câu 1 (trang 115, SGK Ngữ văn 8, tập 1)

Xác định trợ từ và thán từ được sử dụng trong các lời thoại sau:

a. – *A! Bác đã tới đây à? Tôi sắp phát khùng lên vì bác đây.*

(Mô-li-e, Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục)

b. – *Vâng, phải bảo chứ. Vì những người quý phái đều mặc như thế cả.*

(Mô-li-e, Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục)

c. – *Nhưng mà tôi lo lắm, cậu ạ. Nếu làm không khéo, lộ chuyện ra thì tù một gông, chứ chẳng chơi đâu.*

(Vũ Đình Long, Cái chúc thư)

Phương pháp giải:

Vận dụng kiến thức về trợ từ và thán từ

Lời giải chi tiết:

a. Thán từ: A!

Trợ từ: à

b. Trợ từ: chứ, cả

c. Thán từ: ạ

Câu 2

Câu 2 (trang 115, SGK Ngữ văn 8, tập 1)

Tìm thán từ trong các câu sau, giải thích nghĩa và nêu chức năng của chúng:

a. – *Ồ này! Vào đây, các chú.*

(Mô-li-e, Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục)

b. – *“Cụ lớn”, ồ ồ, cụ lớn!*

(Mô-li-e, Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục)

c. – *Ô kìa, bác phó! Vải này là thứ hàng tôi đưa bác may bộ lễ phục trước của tôi đây mà. Tôi nhận ra đúng nó rồi.*

(Mô-li-e, Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục)

Phương pháp giải:

Vận dụng kiến thức thán từ

Lời giải chi tiết:

a. Thán từ: *Ồ này!* => Thán từ thực hiện chức năng gọi đáp

b. Thán từ: *ồ ồ* => Thán từ thực hiện chức năng bộc lộ cảm xúc

c. Thán từ: Ô kia => Thán từ thực hiện chức năng gọi đáp

Câu 3

Câu 3 (trang 115, SGK Ngữ văn 8, tập 1)

Trong các cặp câu $a_1 - a_2$; $b_1 - b_2$ dưới đây, những từ in đậm nào là trợ từ? Căn cứ vào đâu để em khẳng định như vậy?

a_1 . Tôi đau đớn quá! Tôi chết **mất** thôi.

(Vũ Đình Long, Cái chúc thư)

a_2 . Tôi đi từ nhà đến trường **mất** hơn nửa giờ

(Nhóm biên soạn)

b_1 . Cái tội giả mạo chữ kí là một trọng tội, tôi run lẩy **kia**, cậu ạ

(Vũ Đình Long, Cái chúc thư)

b_2 . Người ấy chỉ tay ra xa và nói: “Ông ta đang gặt lúa ở cánh đồng **kia**”.

(Truyện dân gian Việt Nam)

Phương pháp giải:

Vận dụng kiến thức về trợ từ:

Lời giải chi tiết:

Từ “mất” trong câu a_1 và từ “kia” trong câu b_1 là trợ từ. Em xác định như vậy vì từ “mất” và “kia” dùng để nhấn mạnh thông tin được đề cập tới.

Câu 4

Câu 4 (trang 116, SGK Ngữ văn 8, tập 1)

Các câu sau sử dụng những trợ từ nào? Hãy giải thích nghĩa và nêu chức năng của chúng.

a. Một tên đầy tớ mà bác cho nhiều thế ư?

(Vũ Đình Long, *Cái chúc thư*)

b. Bệnh nhân mới à? Anh ta làm sao?

(A-zit Nê-xin, Loại vi trùng quý hiếm)

c. Bẩm, đúng ạ!

(Mô-li-e, Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục)

d. Ngài và đoàn tùy tùng của ngài làm việc đến quên ăn quên ngủ để duy trì sự sống cho nó.

(A-zit Nê-xin, Loại vi trùng quý hiếm)

Phương pháp giải:

Vận dụng kiến thức về trợ từ

Lời giải chi tiết:

a. Trợ từ: “ư” thể hiện thái độ bất ngờ, ngỡ ngàng, không tin đó là sự thật

b. Trợ từ: “à” diễn tả một việc đó đã diễn ra rất nhiều lần, đến chán nản

c. Trợ từ: “ạ” thể hiện sự kính cẩn, lễ phép

d. Trợ từ: “đến” diễn tả một việc gì đó vượt ngoài khả năng

=> Chức năng của các trợ từ trên là bổ nghĩa, nhấn mạnh

Câu 5

Câu 5 (trang 116, SGK Ngữ văn 8, tập 1)

Đặt hai câu có sử dụng thán từ và hai câu có sử dụng trợ từ.

Phương pháp giải:

Vận dụng kiến thức về trợ từ và thán từ

Lời giải chi tiết:

- Hai câu có sử dụng thán từ:

“Cái áo này đẹp quá!”

“Bất ngờ quá, em cảm ơn anh.”

- Hai câu có sử dụng trợ từ:

“Lạnh đến mức tôi không thể chịu đựng được.”

“Bạn phải chăm chỉ hơn chứ.”

Câu 6

Câu 6 (trang 116, SGK Ngữ văn 8, tập 1)

Trong câu 7 (Suy ngẫm và phản hồi – văn bản 2), khi cùng với bạn nhập vai và thể hiện lời thoại của các nhân vật trong văn bản *Cái chúc thư*, các em đã sử dụng những trợ từ và thán từ nào? Nêu chức năng của các trợ từ, thán từ đó.

Phương pháp giải:

Vận dụng kiến thức về trợ từ và thán từ

Lời giải chi tiết:

Trong câu 7 (Suy ngẫm và phản hồi – văn bản 2), khi cùng với bạn nhập vai và thể hiện lời thoại của các nhân vật trong văn bản *Cái chúc thư*, các trợ từ và thán từ đã được sử dụng là:

- Thán từ: quá, ơi, lắm, ôi, Chao ôi.

=> Tác dụng: Thể hiện thái độ bất ngờ, ngạc nhiên, tức giận của các nhân vật

- Trợ từ: a, ạ, đây, tất cả, này, à, ư

=> Tác dụng: Bổ sung và nhấn mạnh điều được nói đến trong lời thoại

TIẾT...: ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: THUYỀN TRƯỞNG TÀU VIỄN DƯƠNG (Lưu Quang Vũ)

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Xác định được diễn biến các sự kiện, tác động qua lại trong hành động của các nhân vật
- Nhận biết xung đột kịch qua quá trình nảy sinh, phát triển, giải quyết xung đột kịch
- Xác định được ngôn ngữ đối thoại, độc thoại của nhân vật và chỉ dẫn sân khấu

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

3. Phẩm chất:

- Phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung văn bản

b. Nội dung: Câu hỏi gợi mở

c. Sản phẩm: Phần trình bày của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi: *Em đã được xem vở kịch nào chưa? Nếu có đó là tác phẩm nào?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về văn bản

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin về văn bản

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS: + Xác định thể loại của văn bản. + Tóm tắt kịch bản - GV hướng dẫn cách đọc. GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB. - HS lắng nghe. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. 	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể loại: kịch - Tóm tắt: <p>Ông Toàn Nha, chủ tịch xã kiêm chủ nhiệm hợp tác xã Cà Hạ, vì hảo danh mà phát động một cuộc “thay trời đổi đất, sắp đặt giang sơn”, mong biến xã nhà thành một biểu tượng của phong trào đổi mới nông thôn, mặc dù về trình độ văn hoá, ông mới chỉ “học hết lớp 4”. Với sự tham mưu của thư kí Văn Siêu, ông cho tiến hành một loạt “cải cách” như: đổi tên xã (xã “Cà Hạ” thành xã “Hùng Tâm”); đổi tên các phòng, ban dưới quyền mình thành các “Trung tâm ...”; lấy sản xuất pháo nổ, thu mua lông vịt xuất khẩu,... làm trọng điểm phát triển kinh tế xã; coi trọng việc báo cáo, tuyên truyền về thành tích trong các hội nghị, lễ tổng kết hơn phát triển thực lực của địa phương. Hưng, một anh thợ lái tàu đường sông, người yêu của cô Nhàn, con gái ông Toàn Nha, có chuyên về quê đúng dịp ở địa phương tổ chức lễ tổng kết phong trào đổi mới do ông Toàn Nha chủ trì.</p>

	<p>Theo lời khuyên của người chủ, anh bất đắc dĩ phải nói dối mình là một thuyền trưởng tàu viễn dương đề xuất hiện như một khách mời làm sang cho buổi lễ, nhằm mong được ông Toàn Nha chấp nhận là con rể.</p> <p>Nhưng vì tự trọng, Hưng bỏ dở “vai diễn”, định lái tàu bỏ trốn. Một vụ cháy nổ lớn xảy ra tại trụ sở Ủy ban xã, do thuốc pháo không được bảo quản đúng cách, gây nên cảnh náo loạn. Bị bỏng nặng, phải đi cấp cứu bằng đường sông trên chiếc tàu chở phân đạm của Hưng, ông Toàn Nha vẫn mơ màng, hãnh diện rằng ông đang được chở đi trên chuyến “tàu viễn dương” (tàu đi lại trên các vùng biển xa) do chàng rể tương lai – một vị thuyền trưởng dạn dày với hành trình trên các đại dương – điều khiển. Phần văn bản trong bài này được trích ở cảnh cuối của vở kịch.</p>
--	---

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a.Mục tiêu:

- Xác định được diễn biến các sự kiện, tác động qua lại trong hành động của các nhân vật
- Nhận biết xung đột kịch qua quá trình nảy sinh, phát triển, giải quyết xung đột kịch

- Xác định được ngôn ngữ đối thoại, độc thoại của nhân vật và chỉ dẫn sân khấu

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>* Nhiệm vụ 1: KHĂN TRẢI BÀN</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:</p> <p>+ Ghi lại 5 hành động, chi tiết cho thấy tính cách của nhân vật Ông Toàn Nha</p> <p>+ Từ đó cho biết: Giữa người coi trọng “sĩ diện” với người mắc “bệnh sĩ” có gì khác nhau?</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi</p> <p>- HS trình bày sản phẩm.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày sản phẩm thảo luận</p> <p>- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p>	<p>II. Tìm hiểu chi tiết</p> <p>1/ Nhân vật ông Toàn Nha</p> <p>Nhân vật Ông Toàn Nha là hiện thân đầy đủ cho người mắc “bệnh sĩ”</p> <p>- Ông vì háo danh mà phát động cuộc thay trời đổi đất dù ông chỉ học hết lớp 4, khoe khoang người con rể tương lai đóng giả thuyền trưởng tàu viễn dương...</p> <p>- Ông làm mọi việc để có thể thể hiện bản thân, nâng cao tên tuổi của mình mà bất chấp thật giả, thậm chí có thể hại người khác.</p> <p>- Ông Toàn Nha nghĩ rằng ông đang được chở đi cấp cứu trên một “con tàu viễn dương”, mặc dù trên thực tế, đó chỉ là chiếc tàu chở phân đạm cho địa phương là vì ông háo danh nên bảo anh Hưng giả làm thuyền trưởng, giả như mình đang được đi trên một “con tàu viễn dương”.</p>

<p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng <p>GV chốt lại kiến thức.</p> <p>* Nhiệm vụ 2: Thực hiện cá nhân</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: <ul style="list-style-type: none"> + <i>Điều gì khiến ông Toàn Nha nghĩ rằng ông đang được chở đi cấp cứu trên một “con tàu viễn dương”, mặc dù trên thực tế, đó chỉ là chiếc tàu chở phân đạm cho địa phương?</i> + <i>Tóm tắt các hành động làm nảy sinh xung đột và giải quyết xung đột giữa một trong các nhóm nhân vật sau: giữa Tiến, Hưng và Xoan, Nhàn; giữa Hưng và Nhàn.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - HS trình bày sản phẩm. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận 	<p>2. Hành động làm nảy sinh xung đột và giải quyết xung đột giữa Tiến và Hưng; giữa Tiến, Hưng và Xoan, Nhàn, giữa Hưng và Nhàn trong văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hành động làm nảy sinh xung đột giữa Tiến và Hưng là: Khi Hưng cởi bộ quần áo thuyền trưởng ra và có ý định chạy trốn. → Hành động giải quyết xung đột: Tiến chỉ chỗ trốn cho Hưng vào trong hòm và giúp Hưng đẩy bọn Nhàn ra xa. - Hành động làm nảy sinh xung đột giữa Tiến, Hưng và Xoan, Nhàn là: Bắt nguồn từ cuộc trò chuyện trên thuyền chở phân đạm cho địa phương. Khi Nhàn và Xoan luôn khen ngợi chiếc tàu viễn dương và tài năng của những người lái chiếc tàu đó, đồng thời phủ nhận chiếc tàu chở phân đạm. → Hành động giải quyết xung đột: Khi mọi người nghe thấy tiếng nổ lớn và cùng nhau đi dập lửa. - Hành động làm nảy sinh xung đột giữa Hưng và Nhàn: Hưng nói dối Nhàn về thân phận là người lái con tàu chở phân đạm.
--	---

<p>- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng</p> <p>GV chốt lại kiến thức.</p>	<p>→ Hành động giải quyết xung đột: Hưng nói sự thật cho Nhân biết.</p> <p>3. Một số thủ pháp trào phúng trong văn bản.</p> <p>– Nhà văn đã tạo ra các tình huống xung đột giữa các nhân vật để làm nổi bật hậu quả của sự giả dối. Ví dụ, Hưng đã nói dối Nhân nhưng Nhân lại biết sự thật; Ông Nha đã bị bong và được chở đi trên con tàu chở phân đạm nhưng khi tỉnh dậy vẫn nghĩ mình đang trên tàu viễn dương.</p> <p>– Tác giả sử dụng ngôn từ mang tính châm biếm, ví dụ như việc gọi các nhân vật là “háo danh sĩ”, “viễn dương cơ” hay “biển cơ”. Bản thân việc có “háo danh” làm cho các nhân vật rơi vào những tình huống rắc rối và đau khổ</p> <p>– Để miêu tả rõ nét tính cách của các nhân vật và chỉ ra sự thái quá của thói sống háo danh, mắc bệnh sĩ, tác giả đã sử dụng câu từ châm biếm và tạo ra các tình huống xung đột trong truyện.</p> <p>III/ TỔNG KẾT</p> <p>1/ Nghệ thuật</p> <p>+ Có bố cục rõ ràng, có lời kể, lời thoại, lời dẫn.</p>
--	---

	<p>+ Tình huống truyện vừa mỉa mai, vừa hài hước, thể hiện nét châm biếm của tác giả.</p> <p>+ Sử dụng hiệu quả thủ pháp trào phúng</p> <p>2/ Nội dung</p> <p>Phê phán những thói hư tật xấu của con người đặc biệt là “bệnh sĩ diện”</p>
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học đóng vai diễn lại câu chuyện

c. Sản phẩm học tập: vở kịch của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Các tổ lựa chọn thành viên, đóng vai diễn lại câu chuyện

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản, em hãy đưa ra bài học rút ra qua vở kịch

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để *rút ra bài học*

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Sau khi học xong văn bản, em rút ra được bài học gì?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp vào buổi học sau, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được các thông tin cơ bản trong văn bản

+ Soạn bài *tiếp theo*

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẢN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao

	Nội dung sơ sài mới dùng lại ở mức độ biết và nhận diện		Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

TIẾT ...: VIẾT VĂN BẢN KIẾN NGHỊ VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS nắm được kĩ năng viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyên giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi gợi mở: *Em đã từng viết đơn từ bày tỏ nguyện vọng, ý kiến nào chưa? Nếu có thì đó là về vấn đề nào?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ, chuẩn bị để chia sẻ trước lớp.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá kết quả

- GV dẫn vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu một số điểm cần lưu ý khi viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống

a. Mục tiêu: Nắm được một số điểm cần lưu ý về kiểu văn bản và yêu cầu đối với kiểu văn bản

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về kiểu văn bản

c. Sản phẩm học tập: HS nắm được một số điểm cần lưu ý khi viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc thông tin về kiểu văn bản trong SGK trang 123 - HS thực hiện nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc và theo dõi <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS ghi chép kiến thức quan trọng về kiểu bài <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. 	<p>1/ Kiểu bài</p> <p>Văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống là kiểu văn bản thông tin, trình bày ý kiến, nguyện vọng của người viết đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân xem xét, giải quyết một vấn đề của đời sống thuộc thẩm quyền của họ.</p> <p>2. Yêu cầu đối với kiểu văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin về thời gian, địa điểm, tên tổ chức hoặc cá nhân nhận kiến nghị, thông tin về người viết kiến nghị; lí do, nội dung kiến nghị. • Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc • Bố cục văn bản thường các phần:

- Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.
- Bố cục văn bản thường gồm các phần:

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN ^(1a) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ^(1c)
 Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ^(1b)

....., ngày ... tháng ... năm ... ^(1d)

BẢN KIẾN NGHỊ
 Về việc ^(1d)

Kính gửi: ^(1e)

Thông tin về người viết kiến nghị, có thể gồm:

Họ tên:

Ngày tháng năm sinh: Cán chức/ Thê học sinh, sinh viên:

Địa chỉ thường trú/ nơi ở hiện nay/ điện thoại liên hệ:

Trình độ học vấn/ trình độ chuyên môn/ nghề nghiệp/ chức vụ:

Cơ quan công tác/ địa chỉ làm việc/ học tập:

Nội dung kiến nghị, gồm:

- Nếu sự việc, vấn đề, lí do kiến nghị:

- Nếu ý kiến đề nghị:

- Đề xuất các hướng giải quyết của người kiến nghị (nếu có):

- Lời cam đoan (nếu có) hoặc khẳng định lại lí do kiến nghị:

- Lời cảm ơn:

Người viết kiến nghị
 (Kí tên)
 Họ và tên

Phụ đính { Tài liệu kèm theo (nếu có) gồm những văn bản, tài liệu, ảnh chụp.

(1a) Tên cơ quan/ tổ chức/ đơn vị của người viết (nếu có): Trình bày sát lề trái của văn bản.

(1b) Số kí hiệu văn bản (nếu có): trình bày sát lề trái của văn bản.

(1c) Quốc hiệu, tiêu ngữ: trình bày ngang hàng với tên cơ quan, tổ chức chủ quản và số kí hiệu văn bản.

(1d) Địa điểm, ngày, tháng, năm: trình bày sát lề phải văn bản.

(1d) Tóm tắt sự việc kiến nghị: trình bày giữa văn bản.

(1e) Người/ tổ chức nhận bản kiến nghị.

Hoạt động 2: Thực hành viết theo các bước

- Mục tiêu:** Nắm được các viết bài văn.
- Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành viết bài
- Sản phẩm học tập:** HS nắm được quy trình viết
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>* Nhiệm vụ 1:</p> <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV hướng dẫn HS tìm hiểu và phân tích văn bản mẫu</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi</p> <p>- Dự kiến sản phẩm:</p>	<p>* Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản:</p> <p>Câu 1. Văn bản đã đáp ứng được những yêu cầu nào về hình thức (bố cục, cách trình bày thông tin trong từng phần,...) của một bản kiến nghị?</p> <p>Trả lời:</p> <p>– Văn bản đã đáp ứng được những yêu cầu nào về hình thức (bố cục,</p>

<p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. <p>*Nhiệm vụ 2</p> <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: <i>Theo em khi viết văn bản kiến nghị về một vấn đề đời sống chúng ta cần thực hiện theo mấy bước? Là những bước nào?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - Dự kiến sản phẩm: <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. 	<p>cách trình bày thông tin trong từng phần,...) của một bản kiến nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Bố cục: 3 phần (Mở đầu, nội dung, kết thúc) – Cách trình bày thông tin trong từng phần: Phù hợp, chính xác, tường minh, dễ hiểu, rành mạch. <p>Câu 2. Liệt kê các loại thông tin cần phải nêu rõ ở phần mở đầu của bản kiến nghị.</p> <p><u>Trả lời:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> – Liệt kê các loại thông tin cần phải nêu rõ ở phần mở đầu của bản kiến nghị: Quốc hiệu, tiêu ngữ, tên văn bản kiến nghị, cụm từ tóm tắt nội dung vấn đề kiến nghị, tên các tổ chức tiếp nhận và giải quyết kiến nghị. <p>Câu 3. Vấn đề của đời sống mà người viết văn bản kiến nghị là gì? Nêu một số bằng chứng cho thấy nội dung kiến nghị đã được trình bày rõ ràng.</p> <p><u>Trả lời:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> – Vấn đề của đời sống mà người viết văn bản kiến nghị: Về việc tạo không gian yên tĩnh, thuận lợi cho sinh hoạt, học tập. – Nêu một số bằng chứng cho thấy nội dung kiến nghị đã được trình bày rõ ràng: + Đầy đủ 3 phần của một văn bản kiến nghị.
---	---

	<p>+ Nội dung phù hợp với từng phần của văn bản.</p> <p>+ Trình bày rõ ràng logic từng nội dung.</p> <p>+ Tách phân rõ ràng, khoa học.</p> <p>Câu 4. Xác định những nội dung chính được trình bày trong phần kết thúc bản kiến nghị.</p> <p><u>Trả lời:</u></p> <p>– Những nội dung chính được trình bày trong phần kết thúc bản kiến nghị: Trình bày mong muốn đơn kiến nghị được xem xét giải quyết, lời cảm ơn.</p> <p>*Hướng dẫn quy trình viết</p> <p>Giả sử em được tập thể lớp giao nhiệm vụ kiến nghị với Ban Giám hiệu nhà trường tổ chức một hoạt động ngoại khóa để nâng cao kỹ năng sống cho học sinh hoặc có giải pháp xây dựng môi trường học tập tốt hơn. Hãy thay mặt lớp viết bản kiến nghị đó.</p> <p>Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đối với đề bài này, nội dung kiến nghị có thể là: <ul style="list-style-type: none"> - Mở lớp học bởi nhân dịp nghỉ hè - Bổ sung nguồn sách tham khảo của thư viện. – Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho một môn học. - Các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trước công trường vào giờ tan
--	---

	<p>học, đáp ứng nhu cầu học tập, vui chơi, rèn luyện của học sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đề bài viết đạt hiệu quả qua giao tiếp, trước khi viết em xác định <ul style="list-style-type: none"> - Mục đích viết bản kiến nghị này là gì? – Cá nhân hoặc tổ chức nào có trách nhiệm nhận và giải quyết kiến nghị - Với mục đích, đối tượng đó, nội dung và cách viết sẽ như thế nào? <ul style="list-style-type: none"> • Tìm tư liệu liên quan đến bản kiến nghị bằng một số cách sau: <ul style="list-style-type: none"> - Tìm tài liệu liên quan đến yêu cầu về đặc điểm và hướng dẫn viết bản kiến nghị trong sách hoặc Internet – Đọc lại phần Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản để học cách viết bản kiến nghị. – Ghi chép ý kiến của các bạn trong buổi họp lớp về vấn đề dự định kiến nghị, <p>những đề xuất liên quan. Nếu vấn đề kiến nghị là của nhiều thành viên trong lớp, em cần thu thập đủ chữ kí của các bạn</p> <p>Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý</p> <ul style="list-style-type: none"> • Để hình thành ý tưởng cho bài viết, em trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> – Trường hoặc lớp em đang tồn tại vấn đề gì có thể gây bất tiện, bất lợi cho học sinh hoặc những vấn đề có thể điều chỉnh, thay đổi để tạo môi
--	--

	<p>trường học tập, vui chơi tốt hơn cho học sinh?</p> <p>– Nội dung cụ thể của vấn đề cần kiến nghị là gì?</p> <p>– Những giải pháp nào có thể giải quyết vấn đề đó?</p> <p>– Người hoặc tổ chức nào có thẩm quyền giải quyết?</p> <p>– Có cần và có thể thu thập thông tin gì liên quan đến nội dung cần kiến nghị (ví dụ: ý kiến của học sinh, hình ảnh làm bằng chứng,...) hay không?</p> <p>Sắp xếp các ý đã tìm theo trình tự bố cục của văn bản:</p> <p>– Phần mở đầu: tên cơ quan, tổ chức (nếu có); quốc hiệu, tiêu ngữ; địa điểm và thời gian viết kiến nghị; tên văn bản và tóm lược sự việc kiến nghị; người/ tổ chức nhận; thông tin cơ bản về người viết (lưu ý: nếu người viết đại diện cho ý kiến của tập thể, cần ghi rõ người viết được tập thể uỷ quyền). – Phần nội dung: lí do kiến nghị, nội dung kiến nghị, đề xuất các hướng giải pháp</p> <p>Bước 3: Viết</p> <p>Khi viết em cần:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trình bày cụ thể nội dung cần kiến nghị • Ghi đúng người nhận kiến nghị (cá nhân hoặc cấp thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết).
--	--

	<ul style="list-style-type: none"> • Chỉ nêu các nội dung, phản ánh, đề xuất có căn cứ thực tế và mang tính khả thi trong việc giải quyết khắc phục... <p>Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> • Sau khi viết xong, đọc và kiểm tra lại bài viết của mình dựa vào bảng kiểm sau <p>Bảng kiểm kĩ năng viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống (xem ở phụ lục)</p>
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học về kĩ năng viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống

b. Nội dung: HS thực hành viết bài

c. Sản phẩm học tập: Bài văn của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài làm

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu GV giao.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV yêu cầu HS hoàn thiện bài viết và chuẩn bị nộp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS dùng bảng kiểm để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết của bản thân.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận, trình bày những gì đã học được từ quá trình viết của bản thân và những gì học hỏi được từ bạn.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV xem và nhận xét bảng kiểm

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS.

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được các bước viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống

+ Soạn bài *tiếp theo*

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

Bảng kiểm kĩ năng viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống

Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt
Bố cục	Đủ 3 phần: mở đầu, nội dung kiến nghị, kết thúc		
Phần mở đầu	Tên cơ quan chủ quản, quốc hiệu: viết in hoa, ở trên cùng văn bản		
	Tiêu ngữ: viết chữ thường, cách giữa, dưới quốc hiệu, chữ cái đầu của các cụm từ được viết hoa, giữa các cụm từ có gạch nối		
	Địa điểm, thời gian viết văn bản: đặt dưới quốc hiệu, tiêu ngữ và lùi sang bên phải văn bản.		
	Tên văn bản: viết chữ in hoa, cỡ chữ lớn hơn các chữ khác trong văn bản, ở giữa văn bản.		
	Dòng tóm tắt nội dung kiến nghị: viết chữ thường, đặt dưới tên văn bản, đặt ở giữa văn bản.		
	Trình bày đầy đủ thông tin về người nhận/ tổ chức nhận.		
	Trình bày tóm tắt các thông tin về người viết kiến nghị		

Phần kết thúc	Trình bày rõ lí do kiến nghị.		
	Trình bày chính xác, rõ ràng nội dung cần kiến nghị.		
	Đề xuất hướng giải quyết hợp lí.		
Phần kết thúc	Khẳng định lại lí do kiến nghị hoặc cam đoan những nội dung kiến nghị là đúng sự thật		
	Có lời cảm ơn.		
	Có chữ kí và họ tên của người viết.		
Diễn đạt	Ngôn ngữ của văn bản chính xác, ngắn gọn, dễ hiểu.		

TIẾT ...: NÓI VÀ NGHE. TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS tóm tắt được nội dung và đưa được ý kiến về một vấn đề xã hội

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.
- Năng lực tóm tắt ý chính do người khác trình bày

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.
- Video nói về tư duy phản biện.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS về bài học

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đưa ra các từ khóa: ham danh, sinh ngoại, lừa đảo, sĩ diện,....

yêu cầu HS ghi lại 3 từ khóa em ấn tượng vào giấy note sau đó nộp lại cho GV

- GV lựa chọn 3 từ khóa được ghi nhiều nhất đặt câu hỏi: *Theo em các từ khóa này nói về vấn đề nào trong xã hội của chúng ta ngày nay?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi, yêu cầu của GV.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 3 – 4 HS nêu ý kiến

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá hoạt động khởi động của HS.

- GV dẫn vào bài học

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Xác định các bước trình bày bài nói và nghe

a. Mục tiêu: Xác định được các thao tác cần thực hiện khi nghe

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
------------------------------	-------------------------

<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định nội dung nghe. - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nghe và trình bày. - HS thực hiện nhiệm vụ <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - Các nhóm luyện nói <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. 	<p>Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, thời gian và không gian nói</p> <p>Các văn bản hài kịch mà em đã học gợi ra một số vấn đề xã hội rất sâu sắc, những vấn đề đó không chỉ ở trong quá khứ mà vẫn tồn tại trong xã hội hiện nay. Hãy chọn một vấn đề mà em quan tâm để trình bày ý kiến của mình</p> <p>Các vấn đề đó có thể là</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thôi ham danh, học đòi làm sang. * Bệnh sĩ diện. • Thói lừa gạt • Thói sinh ngoại. <p>Để tăng hiệu quả giao tiếp, em xác định mục đích trình bày; những vấn đề mà người nghe quan tâm; thời lượng bài trình bày. Từ đó, xác định nội dung và cách trình bày phù hợp.</p> <p>Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý</p> <p>Để tìm ý cho bài nói em hãy trả lời một số câu hoặc</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ý kiến của em về hiện tượng này là gì? Vì sao em có ý kiến như
---	--

	<p>vậy? Những bằng chứng nào sẽ giúp củng cố cho lí lẽ của em?</p> <ul style="list-style-type: none">• Có thể tìm kiếm, thu thập các câu chuyện, hình ảnh video clip nào liên quan đến bài nói để làm bằng chứng cho nhận định của mình? <p>Từ những ý đã phác thảo, chọn những ý tiêu biểu để lập dàn ý (tham khảo cách làm ở bài Sự sống thiêng liêng)</p> <p>Bước 3: Luyện tập và trình bày</p> <p>Sử dụng những kĩ năng đã học ở bài Sự sống thiêng liêng để tự luyện tập. Bước 4: Trao đổi và đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none">• Cần có thái độ cầu thị, lắng nghe, hoà nhã khi trả lời những câu hỏi, ý kiến phản biện <p>Lưu ý: cùng một vấn đề mỗi người có thể có cách tiếp cận riêng, có cách lí giải khác nhau và cần được tôn trọng</p> <p>* Sau buổi trình bày, có thể tiếp tục trao đổi với người nghe về những điều cần làm rõ qua các phương tiện liên lạc cá nhân nếu cần.</p>
--	---

	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng Bảng kiến kỹ năng trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (đã học ở bài Sự sống thiêng liêng) để tự đánh giá bài nói của mình và của người khác
--	---

Hoạt động 2: Xác định các tiêu chí đánh giá kỹ năng trình bày

a. Mục tiêu: Xác định các tiêu chí đánh giá kỹ năng trình bày

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm mà GV đã chia để thống nhất các tiêu chí đánh giá kỹ năng trình bày</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS thảo luận theo nhóm để xác định các tiêu chí đánh giá kỹ năng trình bày ý kiến về một vấn đề của xã hội</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả hoạt động của nhóm mình, yêu cầu các nhóm khác nghe, nhận xét.</p>	<p>II. Các tiêu chí đánh giá</p> <p>Xem ở bảng kiểm</p>

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt tiêu chí.	
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về kĩ năng trình bày một vấn đề xã hội

b. Nội dung: HS dựa vào kiến thức đã học và SGK để hoàn thành BT.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS liên quan đến bài học

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Hoàn thành bài nói và nghe

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- Thực hiện hoàn thành bài nói và nghe

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS trình bày phần ghi chép của mình.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS đánh giá, nhận xét bài trình bày của nhóm bạn

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe GV yêu cầu, sau đó thực hiện

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS trình bày phần ghi chép của mình.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp.

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Soạn trước bài *Ôn tập*.

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

Bảng kiểm kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội

Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
Bài trình bày có đủ các phần giới thiệu, nội dung, kết thúc		
Mở đầu và kết thúc ấn tượng, thu hút		
Nêu rõ vấn đề trình bày		
Trình bày trực tiếp, rõ ràng ý kiến đồng tình hay phản đối với vấn đề được trình bày		
Đưa ra được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục		
Kết hợp sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ và ngôn ngữ		
Ghi nhận và phản hồi lịch sự, thỏa đáng những câu hỏi hoặc phản bác của người nghe		
Trình bày tự tin, nói năng lưu loát		
Đảm bảo thời gian quy định		

TIẾT ...: ÔN TẬP

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Kiến thức về thể loại hài kịch, thủ pháp gây cười;
- Kiến thức về đặc điểm, chức năng của trợ từ, thán từ

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung **Bài 5: Những tình huống khôi hài**

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức trò chơi “Rung chuông vàng” hệ thống lại kiến thức trong chủ đề 5 bằng các câu hỏi

Câu 1: Thói xấu nào được nhắc đến trong vở kịch “Thuyền trưởng tàu viễn dương” (Sĩ diện”

Câu 2: Thông điệp từ văn bản “Cái chúc thư” là gì? (phê phán, lên án mãnh liệt với các hành vi giả dối để chuộc lợi cho bản thân.)

Câu 3: Đặt câu có sử dụng trợ từ và cho biết chức năng của nó?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

HS tham gia chơi trò chơi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá
- GV dẫn vào bài Ôn tập

B. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP

- a. Mục tiêu:** Ghi nhớ và vận dụng những kiến thức đã học trong *bài 5*
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): HD nhóm Hoàn thành các câu hỏi ôn tập - HS nhận nhiệm vụ.</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS trao đổi thảo luận hoàn thiện bảng mẫu.</p> <p>B3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện nhóm trình bày; Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung (Phần thuyết trình có thể thuyết trình kết hợp với các slide hoặc sapo)</p> <p>B4: Kết luận, nhận định (GV): - Đánh giá, nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm),</p>	<p>Xem ở mục lục</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về *Bài 5: Những tình huống khô hạn*
- b. Nội dung:** GV cho HS tự nhắc lại về những kiến thức đã học được.

c. Sản phẩm học tập: Những kiến thức HS đã học được trong **Bài 5** và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học được ở **Bài 5**

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học được ở **Bài 5**

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chốt nội dung bài học

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại nội dung **Bài 5: Những tình huống khôi hài**

+ **Soạn bài ôn tập**

Đáp án bài tập

Câu 1: Nêu và giải thích đặc điểm của hài kịch. Minh họa một trong những đặc điểm ấy bằng các dẫn chứng rút ra từ một trong ba văn bản hài kịch đã đọc.

Trả lời:

Các đặc điểm của hài kịch:

- Nhân vật của hài kịch là đối tượng của tiếng cười, gồm những người hiện thân cho các thói tật xấu hay những gì thấp kém trong xã hội. Tính cách của nhân vật hài kịch được thể hiện qua những biến cố dẫn đến sự phơi bày, phê phán cái xấu.
- Hành động trong hài kịch là toàn bộ hoạt động của các nhân vật (bao gồm lời thoại, điệu bộ, cử chỉ...) tạo nên nội dung của tác phẩm hài kịch. Hành động thể hiện qua lời thoại dưới các dạng: tấn công - phản công; thăm dò - lảng tránh; chất vấn - chối cãi, thuyết phục - phủ nhận/ bác bỏ; cầu xin - từ chối,... Mọi hành động lớn nhỏ trong kịch nói chung, hài kịch nói riêng đều dẫn tới xung đột và giải quyết xung đột, qua đó, thể hiện chủ đề của tác phẩm.

- Xung đột kịch thường này sinh dựa trên sự di lập, mâu thuẫn tạo nên tác động qua lại giữa các nhân vật hay các thế lực. Có nhiều kiểu xung đột: xung đột giữa cái cao cả với cái cao cả, giữa cái cao cả với cái thấp kém, giữa cái thấp kém với cái thấp kém,... Trong hài kịch, do đặc điểm, tính chất của các nhân vật, xung đột thường diễn ra giữa cái thấp kém với cái thấp kém.
- Lời thoại là lời của các nhân vật hài kịch nói với nhau (đối thoại), nói với bản thân. (độc thoại) hay nói với khán giả (bàng thoại), góp phần thúc đẩy xung đột hài kịch phát triển.
- Lời chỉ dẫn sân khấu là những lời chú thích ngắn gọn của tác giả biên kịch (thường để trong ngoặc đơn) nhằm hướng dẫn, gợi ý về cách bài trí, xử lý âm thanh, ánh sáng, việc vào - ra sân khấu của diễn viên thủ vai nhân vật cùng trang phục, hành động, cử chỉ, cách nói năng của họ,...

Trong văn bản *Thuyền trưởng tàu viễn dương*

- Trong đoạn trích có sự mâu thuẫn giữa cái xấu và cái tốt. Ông Nha vẽ ra một viễn tưởng cao đẹp về một xã phát triển, giàu mạnh nhưng thực tế thì những gì ông làm đều chỉ đẩy người dân vào cái nghèo đói. Đó là sự tương phản giữa áo tưởng và thực tế.

- Nhân vật trong đoạn trích có sự không tương xứng giữa thực chất bên trong và hình thức bên ngoài, giữa suy nghĩ và hành động khiến việc làm trở nên lố bịch hài hước. Ví dụ: Anh Hưng là người lái tàu chở phân được ông nha kêu giả làm thuyền trưởng tàu viễn dương...

- Đoạn trích chủ yếu toàn là lời thoại giữa các nhân vật với nhau. Lời thoại bộc lộ được đặc điểm, tính cách, có yếu tố hài hước, gây cười.

- Đoạn trích cũng sử dụng thủ pháp trào phúng, phóng đại. Ví dụ: Ông Nha vẽ lên những viễn tưởng cao đẹp về một xã phát triển khoa học, giàu mạnh những thực tế nhưng thực tế chỉ là những lời nói xáo rỗng, giả dối, lố bịch.

Câu 2: Nêu chủ đề, thủ pháp gây cười được sử dụng trong ba văn bản: Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục, Cái chúc thư, *Thuyền trưởng tàu viễn dương*.

Trả lời:

Chủ đề:

- Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục: Văn bản khắc họa tính cách lố lăng của một tên trưởng giả đã dốt nát còn đòi học làm sang, tạo nên tiếng cười cho độc giả.
- Cái chúc thư: Văn bản khắc họa tính cách tham lam của những con người hám của, hám vật chất vì tiền mà có thể làm tất cả.

- Thuyền trưởng tàu viễn dương: Văn bản khắc họa bệnh sĩ của một người kém hiểu biết nhưng lại mắc bệnh sĩ.

Thủ pháp gây cười:

- Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục: Tác giả xây dựng hình tượng nhân vật hài kịch bất hủ khi tạo ra sự khập khiễng bất hòa giữa cái ngu dốt, ngớ ngẩn với giấc mộng học đòi làm sang.
- Cái chúc thư: Sự tham lam nhưng sợ sệt của những con người hám tiền gây tiếng cười cho độc giả
- Thuyền trưởng tàu viễn dương: Từ bệnh sĩ muốn tạo danh tiếng mà bắt người khác đóng giá, thực hiện các việc ngoài tầm thực hiện mà lại thất bại, tạo nên tiếng cười cho độc giả.

Câu 3: Đặt một câu có sử dụng trợ từ, thán từ lấy đề tài từ các văn bản hài kịch đã học. Xác định trợ từ, thán từ và nêu tác dụng của chúng.

Trả lời:

- Ôi chà ,người đâu mà giỏi thế không biết ?

Trong đó: thán từ là ôi chà, trợ từ là không

Câu 4: Theo em, vì sao khi viết một văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống, người viết không được để thiếu bất kì phần nào trong các phần: phần mở đầu, phần nội dung, phần kết thúc?

Trả lời:

Vì các phần đều có vai trò riêng của mình,nếu thiếu một phần thì sẽ bị thiếu thông tin dẫn đến văn bản thiếu nội dung và sự chính xác.

Câu 5: Em rút ra được lưu ý gì khi trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội?

Một số lưu ý em rút ra được:- Cần tìm hiểu kỹ về vấn đề mình sẽ viết, trình bày.- Cần lắng nghe ý kiến của người khác, không nên quá áp đặt suy nghĩ của bản thân và bắt mọi người phải công nhận nó đúng.

- Trình bày rõ ràng từng luận điểm. Mỗi luận điểm cần đi kèm với lý lẽ và bằng chứng xác thực để tăng tính thuyết phục đối với người nghe.

Câu 6: Tiếng cười trong hài kịch có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống của con người?

Tiếng cười nhiều cung bậc, tiếng cười có giá trị, phê phán tố cáo xã hội lớn lao, có giá trị giáo dục thâm mỹ sâu sắc. Tiếng cười trong cái hài là một loại vũ khí, phương

tiện để phê phán mặt trái của cuộc sống để phủ định tất cả những gì xấu xa, giả dối, lỗi thời, đó là hình thức phê phán đặc biệt và khẳng định cái mới, cái tốt đẹp. Cái cười nảy sinh khi cái tư tiện làm ra vẻ vĩ đại, cái ngu ngốc tự làm ra vẻ thông thái, cái trì trệ ngưng đọng tự làm ra vẻ tràn đầy sức sống và phát triển. cái cười đánh gục sự trống rỗng bên trong vậu hèn mạt của những kẻ nuôi ảo vọng. Nói cách khác cái cười là phản ứng cảm xúc tcura con người trong ý thức thẩm mỹ của nó khi nhận các hiện tượng thực tại mang các xung đột hài kịch. Như vậy cái cười trong cái hài là cái cười đặc biệt nhằm vào đối tượng cụ thể, là cái cười có mục đích và ý nghĩa xã hội sâu sắc. Còn cái hài là giá trị khách quan của một hiện tượng xã hội, là cái cười cao cái cười có ý nghĩa và giá trị xã hội. Phù hợp với những phẩm chất đa dạng của hiện thực là các sắc thái khác nhau của tiếng cười.

Mời bạn xem thêm tài liệu tại: <https://giaoran.link>

Kênh youtube chia sẻ kiến thức: <https://youtube.com/Netmediacctv>

THANKS!